

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-8-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà **Nguyễn Thị Thơm**.

2/ Ông **Trần Văn Ân**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Nguyễn Mộng Cẩm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Ông **Kim Quang Phong** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1985. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986. (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: số A, khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 27/4/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T thành hôn vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/6/2010. Thời gian chung sống được 16 năm, lúc đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh T có người phụ nữ khác, ghen tuông nghi kỵ đối với chị và anh T có sử dụng ma túy, có lần cầm dao đe dọa chị trước mặt các con và vợ chồng đã ly thân 03 tháng nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 25/12/2010 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 01/01/2016 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/5/2022, ngày 13/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian thành hôn, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh xác định thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do chị N có mối quan hệ không rõ ràng với người khác, anh thương vợ, thương con nên cố gắng hàn gắn níu kéo gia đình. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung anh đồng ý giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi cháu N lý do từ nhỏ con sống chung với anh, anh đủ điều kiện để nuôi con, đưa rước con đi học và chăm sóc con sẽ thuận tiện hơn chị N do hiện tại anh có cơ sở mua bán dầu chai thu nhập ổn định mỗi tháng trên 10.000.000đ, có cơ sở mua bán ốc thu nhập mỗi tháng trên 50.000.000đ và con anh hiện đang học tại trường thị trấn Trà Ôn. Mặt khác môi trường sống bên chị N anh cho rằng không đảm bảo để con anh phát triển tốt nhất.

- Về tài sản chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Con chung chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị đảm bảo điều kiện nuôi con vì cha mẹ ruột chị hiện chỉ có một mình chị, có cho chị 02 công đất vườn trồng dừa đang thu hoạch, chị bán hàng qua mạng và có phụ bán tạp hoá, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian thành hôn là năm 2010 chứ không phải năm 2006 như chị N trình bày. Anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị N theo biên bản hoà giải ngày 16/6/2022 và yêu cầu Tòa án công nhận trong Bản án. Về con chung anh đồng ý giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu chị N cấp dưỡng do anh có điều kiện nuôi con hơn so với chị N như anh có nhà đất, có anh ở nước ngoài, có cơ sở mua bán dầu chai và mua bán ốc, anh sẽ trực tiếp chăm sóc và đưa rước con đi học.

**Ý kiến của Viện kiểm sát:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 19, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T; Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 25/12/2010 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 01/01/2016 cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm: Buộc chị N và anh T mỗi người phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn T cư trú tại số A, khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 vào ngày 03/6/2010 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh T thời gian đầu sống rất hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đôi lúc có ấu đả nhau do anh T, chị N nghi ngờ ghen tuông trong quan hệ vợ chồng và vợ chồng ly thân 03 tháng nay không hàn gắn lại được. Theo các biên bản xác minh thể hiện giữa chị N và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do anh T sử dụng ma túy nên có những lời lẽ đe dọa, chửi chị N và có hành vi đánh chị N nên chị N và 02 con về nhà cha mẹ ruột ở. Tại biên bản hoà giải ngày 16/6/2022 cũng như tại phiên toà giữa chị N và anh T đã thống nhất thuận tình ly hôn. Nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N và bị đơn anh Nguyễn Văn T là có cơ sở phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

### **[2.2] Về con chung:**

Xét thấy 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 25/12/2010 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 01/01/2016 hiện đang sống trực tiếp với chị N, cuộc sống của 02 cháu cũng đảm bảo, cháu T có nguyện vọng muốn sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung. Anh T yêu cầu được nuôi cháu N, để chị N được nuôi cháu T nhưng theo biên bản xác minh thì nếu giao con cho anh T nuôi thì sẽ không đảm bảo điều kiện do anh T thường xuyên sử dụng ma túy về nhà chửi bới hăm dọa nên mẹ ruột của anh T đã bỏ nhà đi ở nhờ nhà người em ruột, còn cha ruột thì phải nhờ người cô ruột của anh T chăm sóc. Mặt khác cháu N còn rất nhỏ và là con gái nên giao chị N nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ dễ dàng, đảm bảo cho cháu phát triển đầy đủ các mặt về tâm sinh lý cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con hơn khi giao con cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Nên Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Cẩm N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T.

#### **2. Về con chung:**

Giao 02 con chung tên Nguyễn Kim T, sinh ngày 25/12/2010 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

#### **3. Về tài sản chung, nợ chung:**

Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

#### **4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014510 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Hoàn trả lại chị N số tiền chênh lệch là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí ly hôn.

#### **5. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 03/6/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thúy An**